

MỘT SỐ Ý KIẾN VỀ CĂN CỨ KHÁNG NGHỊ GIÁM ĐỐC THẨM THEO ĐIỀU 273 BỘ LUẬT TỔ TỤNG HÌNH SỰ NĂM 2003

ThS. PHAN THANH MAI *

Căn cứ kháng nghị giám đốc thẩm là một trong những đặc trưng cơ bản để xác định bản chất của giám đốc thẩm. Những căn cứ kháng nghị giám đốc thẩm được quy định cụ thể tại Điều 273 BLTTHS năm 2003. Những quy định này chưa được các cơ quan có thẩm quyền giải thích một cách chính thức, dẫn đến việc giải thích và áp dụng các căn cứ này trong thực tiễn xét xử không thống nhất và chưa thực sự đúng đắn. Qua quá trình nghiên cứu lý luận cũng như thực tiễn xét xử, chúng tôi xin trình bày một số ý kiến về vấn đề này.

1. Căn cứ thứ nhất - việc điều tra xét hỏi tại phiên tòa phiên diện hoặc không đầy đủ

Theo các quan điểm của một số nhà khoa học pháp lý hiện nay, xét hỏi tại phiên tòa phiên diện, không đầy đủ thường được giải thích chung là việc hội đồng xét xử đã xét hỏi sơ sài, đại khái, không thẩm tra xác minh đầy đủ các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ, chỉ nặng về chứng cứ buộc tội, tình tiết tăng nặng mà coi nhẹ chứng cứ gỡ tội, tình tiết giảm nhẹ hoặc không xem xét đến chứng cứ có ý nghĩa quan trọng đối với vụ án.⁽¹⁾ Cách giải thích này chưa phân biệt được sự khác nhau giữa hai khái niệm phiên diện và đầy đủ. Một cách giải thích khác có sự phân biệt giữa phiên diện và không đầy đủ, xác định việc điều tra xét hỏi tại phiên tòa phiên diện

là việc điều tra không khách quan, có định kiến trước, chỉ chú ý đến chứng cứ buộc tội hoặc chỉ chú ý đến chứng cứ gỡ tội. Còn việc điều tra, xét hỏi tại phiên tòa không đầy đủ là hoạt động điều tra tại phiên tòa còn thiếu những tình tiết, những chứng cứ mà theo quy định của pháp luật tố tụng phải được xem xét tại phiên tòa, nếu thiếu nó thì chưa đủ căn cứ để xác định bị cáo có phạm tội hay không. Đồng thời cho rằng thường thì nếu điều tra, xét hỏi không đầy đủ sẽ dẫn đến phiên diện hoặc ngược lại.⁽²⁾ Cách giải thích này cũng chưa thật sự chính xác, bởi lẽ: *Thứ nhất*: Việc điều tra xét hỏi tại phiên tòa có thể phiên diện vì nhiều lý do khác nhau mà không nhất thiết vì lý do “có định kiến trước”; *Thứ hai*, luật tố tụng hình sự chỉ quy định những vấn đề cần chứng minh trong vụ án còn việc sử dụng những chứng cứ nào để chứng minh thì tùy thuộc vào sự xem xét đánh giá của những người tiến hành tố tụng trong từng vụ án cụ thể. Vì vậy, nếu giải thích điều tra, xét hỏi không đầy đủ là thiếu những tình tiết, những chứng cứ mà theo quy định của pháp luật tố tụng hình sự phải được xem xét tại phiên tòa dễ dẫn đến sự hiểu lầm là luật tố tụng hình sự Việt Nam

* Giảng viên Khoa luật hình sự
Trường Đại học Luật Hà Nội

quy định trước những chứng cứ cần phải có trong một vụ án, như vậy là không đúng với nguyên tắc tự do đánh giá chứng cứ.

"Toàn diện" và "đầy đủ" là hai đòi hỏi khác nhau của quá trình chứng minh và có thể tách bạch hai khái niệm này. Phép duy vật biện chứng đòi hỏi phải nhìn nhận sự vật một cách toàn diện. Yêu cầu của việc xác định sự thật của vụ án phải toàn diện tất cả các mặt, không thiếu mặt nào, cả buộc tội cũng như gỡ tội. Trong tố tụng hình sự, đòi hỏi về tính toàn diện được thể hiện cụ thể trong quy định về những vấn đề cần chứng minh trong vụ án hình sự (đối tượng chứng minh). Điều 63 BLTTHS quy định khi điều tra, truy tố và xét xử vụ án hình sự, cơ quan điều tra, viện kiểm sát và toà án phải chứng minh những vấn đề sau: Có hành vi phạm tội xảy ra hay không, thời gian, địa điểm và những tình tiết khác của hành vi phạm tội; ai là người thực hiện hành vi phạm tội; có lỗi hay không có lỗi, do cố ý hay vô ý; có năng lực trách nhiệm hình sự hay không; mục đích, động cơ phạm tội; những tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị can, bị cáo và những đặc điểm về nhân thân của bị can, bị cáo; tính chất và mức độ thiệt hại do hành vi phạm tội gây ra. Đây là những vấn đề mang tính bắt buộc chung đối với mọi vụ án hình sự. Ngoài ra, tùy từng vụ án cụ thể, những vấn đề cần chứng minh còn là những tình tiết khác có ý nghĩa đối với việc giải quyết đúng đắn vụ án hình sự, những tình tiết này luật không quy định cụ thể được.

Việc xác định sự thật của vụ án không những phải toàn diện mà còn phải đầy đủ. Quá trình xác định sự thật của vụ án chính là

quá trình tiếp cận chân lí của vụ án. Triết học Mác-Lênin đã khẳng định thế giới khách quan là vô cùng vô tận, biến đổi và phát triển không ngừng mà nhận thức của từng con người, từng thế hệ lại luôn luôn bị hạn chế bởi điều kiện lịch sử khách quan và năng lực chủ quan. Vì vậy, sự thật được xác định trong vụ án là sự thật tương đối (chân lí tương đối). Trong khoa học luật tố tụng hình sự, sự thật của vụ án được coi là đầy đủ khi đạt đến giới hạn chứng minh, "*Giới hạn chứng minh là tổng hợp những chứng cứ khác nhau, đủ và cần thiết cho việc giải quyết vụ án được đúng đắn*".⁽³⁾ Đó là khi đã xem xét hết các chứng cứ cần thiết cho việc giải quyết vụ án, xác định mức độ tin cậy của các chứng cứ dùng để chứng minh, khẳng định được sự đúng đắn trong kết luận của mình và bác bỏ được những giả thuyết sai lầm.

Qua những phân tích trên, chúng tôi có một số ý kiến nhận xét sau:

- Thứ nhất, mặc dù có liên quan chặt chẽ với nhau nhưng khái niệm phiên diện và khái niệm không đầy đủ được nêu trong căn cứ kháng nghị giám đốc thẩm là hai khái niệm khác nhau. Phiên diện là không đáp ứng được mục đích của quá trình chứng minh (không xác định được hết những vấn đề cần chứng minh) còn không đầy đủ là không đạt đến giới hạn mà việc chứng minh đòi hỏi. Vì vậy, việc điều tra xét hỏi có thể phiên diện nhưng lại đầy đủ chứng cứ để chứng minh sự phiên diện đó hoặc có thể đảm bảo tính toàn diện, xem xét cả về mặt buộc tội cũng như gỡ tội nhưng đều ở mức độ sơ sai, không đầy đủ.

- Thứ hai, yêu cầu về việc xác định sự thật của vụ án nói chung cũng như yêu cầu

của việc điều tra, xét hỏi tại phiên toà phải toàn diện và đầy đủ là vấn đề mang tính nguyên tắc định hướng cho việc chứng minh. Tuy nhiên, việc xác định thế nào là đạt đến mức toàn diện và đầy đủ lại rất trừu tượng, không xác định được một cách cụ thể. Vì vậy, xác định việc điều tra, xét hỏi tại phiên toà phiên diện và không đầy đủ là căn cứ để kháng nghị giám đốc thẩm theo quan điểm của chúng tôi là không hợp lí. Căn cứ kháng nghị của giám đốc thẩm đó là những vi phạm pháp luật nghiêm trọng. Trong khi đó việc điều tra, xét hỏi tại phiên toà phiên diện và không đầy đủ có thể vì nhiều nguyên nhân khác nhau ảnh hưởng đến việc nhận thức. Rất khó để xác định đó là những vi phạm pháp luật nghiêm trọng nếu như không chỉ ra được đó là vi phạm quy định của những quy phạm pháp luật cụ thể nào. Chỉ trong những trường hợp việc điều tra, xét hỏi tại phiên toà vi phạm nghiêm trọng những quy định cụ thể được quy định trong BLTTHS, dẫn đến việc xác định sự thật phiên diện và không đầy đủ thì mới coi là "vi phạm pháp luật nghiêm trọng" (đó lại chính là căn cứ thứ ba của kháng nghị giám đốc thẩm).

- Thứ ba, căn cứ này thực chất là những sai lầm trong việc xác định sự thật của vụ án. Sai lầm này cũng có thể là nguyên nhân dẫn đến việc phát hiện tình tiết mới làm thay đổi cơ bản nội dung của vụ án mà toà án không biết được khi ra bản án hoặc quyết định và đó là căn cứ kháng nghị tái thẩm. Căn cứ này rất khó phân biệt với căn cứ kháng nghị tái thẩm và dẫn đến khó khăn trong việc áp dụng vào thực tiễn.

Vì những lí do như đã nêu trên, theo quan

điểm của chúng tôi, không nên quy định căn cứ này là căn cứ kháng nghị giám đốc thẩm.

2. Căn cứ thứ hai - kết luận trong bản án hoặc quyết định không phù hợp với những tình tiết khách quan của vụ án

Đối với căn cứ này cũng có những cách hiểu khác nhau. Có quan điểm cho rằng không phù hợp với những tình tiết khách quan của vụ án là không phản ánh đúng bản chất của vụ việc phạm tội, ví dụ tỉ lệ thương tích là 4% nhưng giám định pháp y lại kết luận tỉ lệ thương tích tới 40%. Toà án đã tin vào kết luận đó nên kết luận bị cáo phạm tội theo khoản 2 Điều 109 BLHS (nay là Điều 104 BLHS) mà lẽ ra người có hành vi gây thương tích chưa tới mức truy cứu trách nhiệm hình sự.⁽⁴⁾ Cách giải thích luật như trên chưa phân biệt nguyên nhân việc kết luận của toà án không phù hợp với những tình tiết khách quan của vụ án và dễ lẫn với căn cứ kháng nghị tái thẩm. Nếu hiểu căn cứ trên như cách tác giả phân tích ví dụ có thể thấy căn cứ này không còn là căn cứ của giám đốc thẩm nữa vì chúng ta không thấy đề cập việc có sự vi phạm pháp luật trong kết luận của toà án. Bản án của toà án dựa trên tổng hợp những chứng cứ mà một trong những chứng cứ đó là kết luận giám định, nếu có căn cứ cho rằng kết luận giám định đó là không đúng sự thật mà toà án không biết được khi ra bản án thì đó là căn cứ của tái thẩm mà không phải là căn cứ của giám đốc thẩm. Với ví dụ trên, chúng ta cần phải phân biệt giữa sai lầm về mặt pháp luật và sai lầm trong việc chứng minh. Giả sử người giám định thuộc trường hợp phải từ chối hoặc bị thay đổi theo quy định của BLTTHS mà toà án vẫn sử

dụng kết luận đó để chứng minh thì đó là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng và là căn cứ kháng nghị giám đốc thẩm; nếu người giám định kết luận sai do non kém về nghiệp vụ hay cố tình giám định sai mà toà án không biết được khi ra bản án, sau khi bản án có hiệu lực pháp luật việc đó mới được phát hiện thì đó là căn cứ kháng nghị tái thẩm.

Cũng có quan điểm phân biệt nếu kết luận không phù hợp với các chứng cứ khách quan đã được thu thập trong hồ sơ vụ án do thiếu trách nhiệm, nghiên cứu sơ sài bỏ sót chứng cứ hoặc không đủ trình độ chuyên môn để đánh giá chứng cứ thì coi đây là căn cứ để kháng nghị giám đốc thẩm, nếu do căn cứ vào những tài liệu chưa được điều tra xác minh thì phải coi đây là căn cứ kháng nghị theo thủ tục tái thẩm.⁽⁵⁾ Mặc dù căn cứ phân biệt còn chưa thật sự rõ ràng nhưng quan điểm này cũng đã chú ý đến việc giải thích luật căn cứ vào bản chất của giám đốc thẩm. Cũng với căn cứ này, trong BLTTHS của Cộng hoà Liên bang Nga có quy định rõ bản án được coi là không phù hợp với thực tế khách quan của vụ án nếu: Kết luận của toà án không được khẳng định bằng những chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà; toà án đã không cân nhắc tới những tình tiết có thể ảnh hưởng cơ bản đến kết luận của toà án; khi có những chứng cứ đối lập nhau có ý nghĩa quan trọng trong việc ra kết luận của toà án nhưng trong bản án không chỉ ra dựa trên căn cứ nào mà toà án chấp nhận hoặc không chấp nhận những chứng cứ khác; kết luận của toà án được nêu trong bản án có những mâu thuẫn cơ bản mà đã ảnh hưởng hoặc có thể ảnh hưởng đến việc giải quyết

vấn đề có tội hay không có tội của người bị kết án hoặc người được tuyên vô tội, đến việc áp dụng đúng luật hình sự hoặc quyết định mức hình phạt.⁽⁶⁾ Với những quy định cụ thể nói trên, có thể thấy rõ quan điểm của những nhà lập pháp Nga cũng xác định kết luận không phù hợp với thực tế khách quan của vụ án khi những kết luận đó không đảm bảo các quy định của pháp luật về vấn đề xem xét đánh giá chứng cứ, vi phạm các nguyên tắc chứng minh đã được pháp luật quy định. Xét về bản chất, đó chính là vi phạm pháp luật tố tụng hình sự trong quá trình chứng minh, những vi phạm hoàn toàn có thể phát hiện khi kiểm tra, xem xét hồ sơ vụ án khi đối chiếu những hoạt động của toà án với những quy định cụ thể của pháp luật.

Theo chúng tôi, cần phải hiểu điều luật trên với tinh thần như vậy mới có thể phân biệt được sự khác biệt giữa hai căn cứ của giám đốc thẩm và tái thẩm khi mà luật tố tụng hình sự Việt Nam quy định một trong những căn cứ kháng nghị tái thẩm rất giống với căn cứ trên và khó phân biệt là điều tra viên, kiểm sát viên, thẩm phán, hội thẩm nhân dân đã có kết luận không đúng làm cho vụ án bị xét xử sai. Những kết luận không đúng này không đơn giản là những vi phạm pháp luật được thể hiện trong hồ sơ vụ án mà là những nhận định sai lầm về các tình tiết của vụ án, đó là những sai lầm của những người tiến hành tố tụng khi xác định bản chất của vụ án (sai lầm về nhận thức). Những sai lầm này không thể phát hiện nếu chỉ căn cứ vào hồ sơ vụ án mà phải được phát hiện thông qua việc điều tra, xác minh, thậm chí phải được khẳng định bằng một bản

án đã có hiệu lực pháp luật. Luật tố tụng hình sự của các nước có quy định thủ tục tái thẩm thường có những quy định theo hướng như vậy. Ví dụ như khoản 3 Điều 420 BLTTHS Hàn Quốc quy định căn cứ tái thẩm là: *"Khi một bản án có hiệu lực khác chứng minh lời buộc tội đối với bị cáo là sai"*,⁽⁷⁾ hoặc khoản 4 Điều 411 BLTTHS Liên bang Nga cũng quy định ngày phát hiện tình tiết mới hoặc tình tiết mới được phát hiện được coi là *"ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật đối với người có lỗi trong việc thực hiện các hành vi phạm tội trong quá trình tố tụng..."*.⁽⁸⁾

3. Căn cứ thứ ba - có sự vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng trong khi điều tra, truy tố hoặc xét xử

Cũng giống như hai căn cứ đã nêu ở phần trên, việc giải thích và áp dụng căn cứ này trong thực tiễn giám đốc thẩm là vấn đề phức tạp, không thống nhất vì trong thời gian rất dài không có hướng dẫn cụ thể của cơ quan có thẩm quyền thế nào là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng. Có quan điểm cho rằng vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng là những vi phạm dẫn đến hậu quả tước bỏ, làm hạn chế quyền và lợi ích hợp pháp của người tham gia tố tụng hoặc ảnh hưởng đến việc toà án ra bản án hoặc quyết định có cơ sở và đúng đắn. Có quan điểm cho rằng vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng là những vi phạm đồng thời dẫn đến hậu quả làm hạn chế quyền của người tham gia tố tụng và ảnh hưởng đến trình tự tố tụng và việc xác định sự thật của vụ án.⁽⁹⁾ Cũng có tác giả không tìm cách lí giải thế nào là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng mà cho

rằng việc xác định thế nào là nghiêm trọng hay không nghiêm trọng hoàn toàn tùy thuộc vào sự đánh giá của người có thẩm quyền kháng nghị, căn cứ vào quy định của BLTTHS và thực tiễn công tác giám đốc xét xử.⁽¹⁰⁾ Hiện nay, Hội đồng thẩm phán TANDTC đã ra Nghị quyết số 04/2004/NQ-HĐTP ngày 5/11/2004 hướng dẫn thi hành một số quy định trong phần ba "Xét xử sơ thẩm" của BLTTHS năm 2003, trong đó có hướng dẫn: Vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng là trường hợp BLTTHS quy định bắt buộc phải tiến hành hoặc tiến hành theo thủ tục tố tụng đó nhưng cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng bỏ qua hoặc thực hiện không đúng xâm phạm nghiêm trọng đến quyền lợi của bị can, bị cáo, người bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án hoặc làm cho việc giải quyết vụ án thiếu khách quan, toàn diện.

Đây là hướng dẫn thi hành Điều 179 BLTTHS về việc thẩm phán trả hồ sơ để điều tra bổ sung trong giai đoạn chuẩn bị xét xử. Tuy nhiên, có thể dựa vào quy định này để giải thích thế nào là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng trong căn cứ kháng nghị giám đốc thẩm vì quy định này không liệt kê những vi phạm cụ thể mà đã đưa ra cách xác định thế nào là vi phạm nghiêm trọng tố tụng. Tuy nhiên, để hướng dẫn thế nào là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, Nghị quyết số 04/2004/NQ-HĐTP lại đưa ra điều kiện vi phạm đó xâm phạm nghiêm trọng đến quyền lợi của những người có quyền và lợi ích pháp lí liên quan đến vụ án và một câu hỏi lại được đặt ra: Thế nào là xâm phạm

ng nghiêm trọng? Vấn đề chưa được giải quyết và rơi vào sự khó hiểu. Luật tố tụng hình sự của một số nước quy định rõ trong luật những hành vi bị coi là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, ví dụ như luật tố tụng hình sự của Cộng hoà Pháp hoặc của Liên bang Nga... Việc quy định cụ thể như vậy rất thuận lợi cho việc áp dụng pháp luật một cách thống nhất. Qua thực tiễn giám đốc thẩm, những vi phạm sau thường được coi là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng:

Những vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng trong giai đoạn điều tra. Những vi phạm pháp luật trong giai đoạn điều tra nếu có thường đã được phát hiện và khắc phục ở trong chính giai đoạn điều tra qua việc kiểm sát điều tra của viện kiểm sát; ở giai đoạn truy tố, giai đoạn xét xử sơ thẩm thông qua việc trả hồ sơ để điều tra bổ sung; ở giai đoạn xét xử phúc thẩm thông qua việc hủy bản án hoặc quyết định sơ thẩm để điều tra lại, vì vậy ít gặp những vi phạm này trong giai đoạn giám đốc thẩm. Có nhiều loại vi phạm trong giai đoạn điều tra nhưng nếu phát hiện sau khi án có hiệu lực pháp luật thì không nhiều, chủ yếu là có sự vi phạm các nguyên tắc hồi cung, lấy lời khai hoặc không thực hiện các yêu cầu về giám định bổ sung, giám định lại hoặc các yêu cầu hợp pháp khác của người tham gia tố tụng... Những vi phạm này viện kiểm sát và toà án khó có thể phát hiện nếu không có sự khiếu nại của chính những người có liên quan.

Những vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng trong giai đoạn truy tố cũng giống như những vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng trong giai đoạn điều tra thường đã được phát

hiện và khắc phục ở giai đoạn xét xử sơ thẩm và phúc thẩm nên ít được phát hiện sau khi bản án hoặc quyết định đã có hiệu lực pháp luật. Một số vi phạm nghiêm trọng trong giai đoạn truy tố như truy tố sai thẩm quyền, truy tố đối với những bị can đã được cơ quan điều tra đình chỉ vụ án và không đề nghị truy tố v.v..

Trong giai đoạn giám đốc thẩm, những vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng được phát hiện nhiều nhất là những vi phạm thủ tục tố tụng của toà án cấp dưới. Những vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng của toà án cấp sơ thẩm thường đã được phát hiện thông qua kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm và đã có khả năng để khắc phục ở cấp xét xử thứ hai là toà án cấp phúc thẩm với những thẩm phán chuyên nghiệp, có trình độ xét xử cao hơn. Tuy vậy, vẫn có những trường hợp cấp phúc thẩm không phát hiện ra những vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng của toà án cấp dưới hoặc chính toà án cấp phúc thẩm vi phạm thủ tục tố tụng. Những vi phạm này chỉ được phát hiện sau khi bản án đã có hiệu lực pháp luật và nếu đó là những vi phạm nghiêm trọng thì sẽ bị kháng nghị giám đốc thẩm, thường là những vi phạm sau:

- Xét xử sai thẩm quyền, nếu xét xử vụ án thuộc thẩm quyền của toà án cấp trên hoặc toà án quân sự;
- Xét xử với thành phần hội đồng xét xử không đúng quy định của pháp luật trong những trường hợp cần phải xét xử bằng hội đồng năm người hay trong hội đồng xét xử cần có hội thẩm là giáo viên hoặc cán bộ đoàn;
- Không đảm bảo quy định về việc hoãn phiên toà khi có người vắng mặt;
- Không đảm bảo quy định về đảm bảo

sự tham gia của người bào chữa trong trường hợp luật định;

- Xét xử vi phạm giới hạn xét xử sơ thẩm hoặc phạm vi xét xử phúc thẩm;

- Sửa án theo hướng tăng nặng khi không có điều kiện pháp lí để sửa án...

Theo quan điểm của chúng tôi, căn cứ này quy định phạm vi xem xét căn cứ kháng nghị giám đốc thẩm bao gồm cả những vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng ở giai đoạn điều tra, truy tố là quá rộng. Căn cứ này không phản ánh đúng bản chất của giám đốc thẩm là hình thức đặc biệt của hoạt động giám đốc xét xử, là việc giám sát xét xử của toà án cấp trên với hoạt động xét xử của toà án cấp dưới. Theo chúng tôi, chỉ có những vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng trong hoạt động xét xử của toà án đã ra bản án hoặc quyết định đã có hiệu lực mới là căn cứ để kháng nghị giám đốc thẩm. Hoạt động điều tra, truy tố không phải là đối tượng giám đốc thẩm vì giám đốc thẩm không phải là hoạt động giám sát của toà án với hoạt động của cơ quan điều tra, viện kiểm sát và các cơ quan khác mà là việc giám sát việc xét xử của toà án cấp trên đối với hoạt động xét xử của toà án cấp dưới.

Việc mở rộng phạm vi những vi phạm mà toà án cấp giám đốc thẩm phải giải quyết như vậy là không cần thiết vì nguyên tắc phối hợp và chế ước trong hoạt động của các cơ quan tiến hành tố tụng cũng đã đảm bảo sự kiểm tra đối với hoạt động của các giai đoạn trước. Khi tiến hành hoạt động của mình, các cơ quan có quyền phát hiện những sai lầm trong việc giải quyết vụ án của các cơ quan khác. Luật tố tụng hình sự Việt Nam

quy định đầy đủ các hình thức để có thể giám sát hoạt động trong các giai đoạn trước và những quy định đó đã tạo một cơ chế giám sát cần thiết để phát hiện và khắc phục những vi phạm pháp luật trong các giai đoạn trước.

Mặt khác, bản án và quyết định đã có hiệu lực pháp luật cần phải được đảm bảo hiệu lực và đảm bảo tính ổn định. Không nên mở rộng phạm vi giám đốc thẩm một cách không cần thiết. Điều đó không phản ánh đúng tính chất của giám đốc thẩm và còn dẫn đến những hậu quả bất lợi khác đó là thực trạng số lượng án phải giám đốc thẩm quá nhiều và không nâng cao được trách nhiệm và chất lượng giải quyết vụ án ở các giai đoạn trước.

4. Căn cứ thứ tư - có những sai lầm nghiêm trọng trong việc áp dụng Bộ luật hình sự

Căn cứ này đề cập những sai lầm trong việc áp dụng luật nội dung trong quá trình giải quyết vụ án hình sự, cụ thể là áp dụng luật hình sự. Trong BLTTHS không quy định các trường hợp cụ thể được coi là có những sai lầm nghiêm trọng trong việc áp dụng BLHS và cũng không có bất cứ một hướng dẫn nào của cơ quan có thẩm quyền giải thích căn cứ này. Vì vậy, việc áp dụng căn cứ này chủ yếu theo nhận thức chủ quan của người có thẩm quyền kháng nghị. Trong thực tiễn, những sai lầm sau thường được coi là sai lầm nghiêm trọng trong việc áp dụng BLHS: Toà án sai lầm trong việc áp dụng những quy định ở phần chung BLTTHS như những sai lầm trong việc truy cứu trách nhiệm hình sự, cho hưởng án treo, miễn trách nhiệm hình sự hoặc hình phạt, áp dụng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, tổng hợp hình phạt; những sai lầm trong việc xác định các tình tiết loại trừ tính nguy hiểm của hành

vi phạm tội như áp dụng không đúng các quy định về sự kiện bất ngờ, tình thế cấp thiết, phòng vệ chính đáng và những sai lầm khác v.v.; những sai lầm nghiêm trọng trong việc áp dụng các quy định ở phần các tội phạm cụ thể như định tội danh sai, áp dụng khung hình phạt sai, quyết định hình phạt sai v.v.. Những sai lầm này dẫn đến những hậu quả như kết tội người không có hành vi nguy hiểm cho xã hội hoặc hành vi của họ không cấu thành tội phạm; kết tội đối với người chưa đến tuổi chịu trách nhiệm hình sự, kết tội trong trường hợp đã hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự, không kết tội người có tội, xử sai tội danh, quyết định hình phạt quá nặng hoặc quá nhẹ v.v..

Căn cứ có những sai lầm nghiêm trọng trong việc áp dụng Bộ luật hình sự dẫn đến những sai lầm trong xử lý vụ án về nội dung. Nếu nhìn vào hậu quả do sai lầm này có thể giống với hậu quả của những sai lầm thuộc căn cứ kháng nghị tái thẩm. Để tránh việc nhầm lẫn giữa căn cứ giám đốc thẩm và tái thẩm, cần phải xem xét căn cứ này dựa vào bản chất của giám đốc thẩm. Những sai lầm về nội dung trong giám đốc thẩm là sai lầm do vi phạm pháp luật trong việc áp dụng luật hình sự, đó là những hành vi như không áp dụng điều luật trong trường hợp cần phải áp dụng; áp dụng điều luật trong trường hợp không được áp dụng; áp dụng không đúng điều luật cần phải áp dụng... Trong tái thẩm sai lầm về nội dung không phải do vi phạm pháp luật mà là sai lầm do nhận thức, đánh giá không đúng về các tình tiết của vụ án, không phải sai lầm trong áp dụng pháp luật mà là những sai lầm trong việc xác định sự thật của vụ án. Căn cứ này không chỉ khó

phân biệt với căn cứ kháng nghị tái thẩm mà còn khó phân biệt với căn cứ thứ hai của giám đốc thẩm kết luận trong bản án không phù hợp với thực tế khách quan của vụ án. Những kết luận không phù hợp với tình tiết khách quan của vụ án cũng sẽ dẫn đến những sai lầm nghiêm trọng trong việc áp dụng BLHS.

Ngoài ra, căn cứ này còn không đề cập nhưng vi phạm nghiêm trọng trong việc áp dụng luật dân sự, đây là vấn đề cần phải được xem xét bởi vì trong một vụ án hình sự có thể phát sinh những vấn đề dân sự. Khi giải quyết những vấn đề này, tòa án phải áp dụng các quy định của luật dân sự để giải quyết và nếu có vi phạm nghiêm trọng trong việc áp dụng luật dân sự thì sai lầm này cũng phải được quy định là một trong những căn cứ kháng nghị giám đốc thẩm.

Tóm lại, căn cứ kháng nghị theo quy định tại Điều 273 BLTTHS 2003 còn một số vấn đề chưa hợp lý, cần sửa đổi, bổ sung để hoàn thiện hơn theo như những đề xuất chúng tôi đã trình bày ở trên./

(1), (9).Xem: Nguyễn Văn Trường, "Một số vấn đề về các căn cứ theo thủ tục giám đốc thẩm", Tạp chí Tòa án nhân dân, số 9, 1996, tr.8, 9.

(2), (4), (10).Xem: Đinh Văn Quế, "Căn cứ kháng nghị giám đốc thẩm theo BLTTHS 2003", Tạp chí tòa án nhân dân số 22, tháng 11/2004, tr. 15, 16.

(3).Xem: UBKHXH Việt Nam, Viện thông tin khoa học xã hội, "Những vấn đề lý luận về hình sự, tố tụng hình sự" (1982), tr. 117.

(5).Xem: Nguyễn Văn Trường, "Giám đốc thẩm trong tố tụng hình sự", Luận án thạc sĩ, tr. 32.

(6), (8).Xem: Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Viện khoa học kiểm sát, BLTTHS Liên bang Nga (2002), tr. 158, 172.

(7).Xem: Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Viện khoa học kiểm sát, BLTTHS Hàn Quốc (2002), tr. 95.